

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2023
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Bà Nguyễn Minh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 03/2023/TLST- DS ngày 03/01/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 05/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/QĐST-DS ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (P)***

Trụ sở: 22 N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Lâm - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng Quân - Chuyên viên tổ tụng phòng quản lý khách hàng cá nhân KV Miền Bắc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản P.

(Theo Giấy ủy quyền số/UQ-PVB ngày/202....).

(Ông Quân có mặt)

**** Bị đơn:***

1/ Ông Vũ Đình N; sinh năm 1968

2/ Bà Lê Thị T; sinh năm 1971

Cùng trú tại: Số 393 đường H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Ông N, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ - ông Đỗ Hoàng Quân trình bày:**

Ngày 14/11/2019 Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết với ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T Hợp đồng cho vay số 881/2019/HĐTD/PVB-HBT, với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên.

Mục đích sử dụng vốn vay: Vay mua xe ô tô mục đích kinh doanh.

Lãi suất trong hạn: Theo quy định tại Ngân hàng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ là 9.49%/năm. Từ ngày 15/11/2020 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng LSCS + Biên độ tối thiểu 4.5%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn

Lịch trả nợ:

+ Trả nợ gốc: Được trả đều 60 kỳ, mỗi kỳ một tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 59, số tiền trả mỗi kỳ là 16.667.000 đồng. Kỳ cuối cùng trả 16.647.000 đồng. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/12/2019, ngày trả nợ cuối cùng là ngày kết thúc thời hạn cho vay theo quy định tại khoản 1.2 Điều 1 của Hợp đồng cho vay.

+ Trả nợ lãi: Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng. Lãi vay của kỳ thanh toán lãi cuối cùng được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng.

Thực hiện Hợp đồng cho vay trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông N và bà T tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng được thể hiện tại “Khế ước nhận nợ” ngày 14/11/2019 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của người thụ hưởng là Công ty cổ phần Kinh doanh và dịch vụ số 8, số tài khoản 108000506304 tại Ngân hàng P - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

Về tài sản đảm bảo cho khoản vay:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông N và bà T dùng tài sản là một xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu: CNHTC, 02 chỗ ngồi, màu nâu, số loại ZZ3317N3267, số khung RRT27416DK1A00014; số máy D103850190307023217, biển kiểm soát 29H-310.42, Giấy hẹn lấy đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Vũ Đình N.

Tài sản bảo đảm trên đã được ký Hợp đồng thế chấp số 1276/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 14/11/2019, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/11/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay:

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, ông N và bà T đã trả được cho P tổng số tiền là 334.798.521 đồng, trong đó: Nợ gốc là 216.671.000 đồng; nợ lãi là 118.127.521 đồng. Từ ngày 16/12/2019 do ông N và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên P đã chuyển khoản nợ trên của ông N và bà T sang nợ quá hạn. P đã nhiều lần ra Thông báo yêu cầu ông N và bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm là xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu: CNHTC, 02 chỗ ngồi, màu nâu, số loại ZZ3317N3267, số khung RRT27416DK1A00014; số máy D103850190307023217, biển kiểm soát 29H-310.42, Giấy hẹn lấy đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày

13/11/2019 cho ông Vũ Đình N, để P xử lý khoản nợ nhưng ông N và bà T có tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy, P phải khởi kiện ông N, bà T đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc Vũ Đình N và bà Lê Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 04/5/2022 là 1.082.989.653 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 783.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 174.143.417 đồng; lãi quá hạn là 125.517.237 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay đã ký kết, kể từ ngày 04/5/2023 cho đến khi ông N và bà T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho P.

2. Trường hợp ông N và bà T không trả nợ hoặc trả nợ không trả đầy đủ số tiền trên cho P thì đề nghị Tòa án tuyên cho P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu: CNHTC, 02 chỗ ngồi, màu nâu, số loại ZZ3317N3267, số khung RRT27416DK1A00014; số máy D103850190307023217, biển kiểm soát 29H-310.42, Giấy hện lấy đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Vũ Đình N, để thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ trên của ông N và bà T tại P thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T và nguồn thu nhập hợp pháp của ông N và bà T để thu hồi nợ cho P.

*** Bị đơn - Ông Vũ Đình N trình bày:**

Ông và bà Lê Thị T (vợ ông) đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 03 ngày 03/01/2023 và Giấy báo của Tòa án đến làm việc vào hồi 08h30 ngày 06/02/2023, nhưng do ông bận đi làm còn bà Lê Thị T (vợ ông) hiện đang điều trị bị bệnh nên không thể đến Tòa án làm việc được.

Ngày 23/02/2023, ông N đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc P khởi kiện đối với vợ chồng ông như sau:

Ông xác nhận ngày 14/11/2019 vợ chồng ông có ký Hợp đồng cho vay số 881/2019/HĐTD với Ngân hàng P - Chi nhánh Hai Bà Trưng, cụ thể:

Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng,

Mục đích vay: mua xe ô tô mục đích kinh doanh.

Lãi suất được quy định trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ.

Thời hạn vay là: 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô tải (tự đổ) 02 chỗ ngồi màu nâu, nhãn hiệu CNHTC số loại ZZ3317N3267, số khung RRT27416DK1A00014, số máy D103850190307023217, Giấy hện lấy đăng ký xe ô tô do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Vũ Đình N, biển kiểm soát 29H-310.42.

Quá trình thực hiện khoản vay: Vợ chồng ông đã trả được cho P tổng số tiền là 334.798.521 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 216.671.000 đồng và số tiền nợ lãi là 118.127.521 đồng. Sau đó, do làm ăn khó khăn vì dịch Covid nên vợ chồng ông không trả được nợ cho P.

Đến nay, vợ chồng ông còn nợ P tổng số tiền là 1.046.355.578 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 783.329.000 đồng và số tiền nợ lãi là 263.026.578 đồng, như P trình bày là đúng.

Nay ông đưa ra phương án trả nợ cho P như sau:

Trong vòng 03 tháng (cụ thể đến cuối tháng 05/2023) vợ chồng ông sẽ tất toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 783.329.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi và lãi phạt cho P. Đối với khoản tiền nợ lãi và lãi phạt còn lại thì ông xin P cho gia đình ông được miễn toàn bộ, với lý do bà T (vợ ông) đang bị ung thư phải điều trị nên gia đình rất khó khăn về kinh tế.

Trong trường hợp P không chấp nhận phương án ông đưa ra thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Nguyên đơn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn ông N, bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/6/2023 là: 1.103.168.162 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 783.329.700 đồng; lãi trong hạn là 180.243.592 đồng; lãi quá hạn là 139.595.570 đồng.

Ông N và bà T còn tiếp tục phải thanh toán khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2023 cho đến khi ông N và bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho P và giữ nguyên ý kiến về việc yêu cầu Tòa án tuyên cho P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc và lãi nêu trên.

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ trên của ông N và bà T tại ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Vũ Đình N, bà Lê Thị T và nguồn thu nhập hợp pháp của ông N và bà T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn - Ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T:** Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Được nhận thông báo, quyết định và các văn bản do Tòa án giải quyết trong quá trình chuẩn bị xét

xử theo đúng quy định, được quyền xem, sao chụp các tài liệu do Tòa án thu thập cũng như do các đương sự cung cấp, được quyền phát biểu, hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Viện kiểm sát quận Hoàn Kiếm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (P) đối với bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T. Buộc ông N, bà T phải thanh toán cho P số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký kết và tiền lãi cho đến khi ông N, bà T thanh toán hết nợ cho P. Chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp ông N, bà T không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho P.

Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Bị đơn là ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại số 393 đường Hồng Hà, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là đúng quy định tại Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) khởi kiện ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án tuyên ông N, bà T phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay đã ký kết. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cho vay đã ký giữa các bên do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện:

P và ông Vũ Đình N, bà Lê Thị T ký kết Hợp đồng cho vay số 881/2019/HĐTD/PVB-HBT ngày 14/11/2019 với thỏa thuận thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Ngày 16/12/2019 là ngày các khoản nợ của ông N, bà T chuyển nợ quá hạn. Ngày 03/01/2023 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý đơn khởi kiện của P. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

1.4. Về thủ tục tố tụng:

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T: Ông N và bà T là bị đơn trong vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo đến Tòa làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập ông N, bà T đến Tòa án giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P. Tuy nhiên, chỉ có ông N đến Tòa án trình bày ý kiến vào ngày 23/02/2023. Sau đó, ông N, và bà T đều vắng mặt tại

tất cả các buổi làm việc của Tòa án. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08h30' ngày 31/5/2023 nhưng ông N và bà T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lịch xét xử vào hồi 08h30' ngày 20/6/2023. Tại phiên tòa hôm nay, ông N và bà T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - ông N và bà T là đúng theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay số 881/2019/HĐTD/PVB-HBT ngày 14/11/2019:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng Việt N (P) và ông Vũ Đình N, bà Lê Thị T đã ký Hợp đồng cho vay số 881/2019/HĐTD/PVB-HBT, với giá trị cho vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), mục đích vay: mua xe ô tô. Lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn được thể hiện cụ thể theo Khế ước nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều công nhận việc ký kết Hợp đồng trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng nên Hợp đồng cho vay trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay trên, P đã giải ngân cho ông N, bà T theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019, với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông N và bà T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, không có lời khai, xác nhận về các nội dung trên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/02/2023 ông N có đến Tòa án xác nhận về nội dung trên. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông N và bà T đã trả được cho P tổng số tiền là 334.798.521 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 216.671.000 đồng và số tiền nợ lãi là 118.127.521 đồng. Sau đó, ông N và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ bị chuyển sang quá hạn. P đã khởi kiện ông N và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N và bà T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho P là 783.329.700 đồng. Đối chiếu với khoản nợ gốc đã giải ngân và số tiền nợ gốc ông N và bà T đã trả, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Ngân hàng P yêu cầu ông N và bà T phải trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 19/6/2023, lãi trong hạn là 180.243.592 đồng; lãi quá hạn là 139.595.570 đồng.

Xét, Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay từ ngày 15/11/2019 đến hết ngày 14/11/2020 lãi suất bằng 9,49%/năm. Từ ngày 15/11/2020, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất tiền gửi Đại Chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng VNĐ, kỳ hạn 13 tháng theo Biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ cộng biên độ tối thiểu 4,5%/năm. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng xác nhận số nợ gốc và lãi theo Khế ước nhận nợ. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác nhận tổng số nợ lãi đã tính theo đúng thỏa thuận trên. Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng các

quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng thể hiện tại Bảng tính tổng hợp gốc, lãi. Vì vậy, Ngân hàng P yêu cầu ông N và bà T thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xác định đến ngày 19/6/2023 ông N và bà T còn nợ Ngân hàng P số tiền lãi trong hạn là 180.243.592 đồng và số tiền lãi quá hạn là 139.595.570 đồng.

Nguyên đơn P yêu cầu bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2023 cho đến khi ông N và bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ của nguyên đơn P:

Khoản vốn vay của ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T tại P được thế chấp bằng một tài sản đảm bảo là một xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu: CNHTC, 02 chỗ ngồi, màu nâu, số loại ZZ3317N3267, số khung: RRT27416DK1A00014, số máy: D103850190307023217, biển kiểm soát 29H-310.42, Giấy hẹn lấy đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Vũ Đình N.

Xét thấy: Tài sản bảo đảm trên đã được ký Hợp đồng thế chấp số 1276/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 14/11/2019, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/11/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13 tháng 03 năm 2023, Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 15/2023/QĐ-XXTĐTC, yêu cầu ông N, bà T di chuyển tài sản thế chấp là xe ô tô tải (tự đổ) 02 chỗ ngồi màu nâu, nhãn hiệu CNHTC số loại ZZ3317N3267, số khung RRT27416DK1A00014, số máy D103850190307023217, Giấy hẹn lấy đăng ký xe ô tô do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2019 cho ông Vũ Đình N, biển kiểm soát 29H-310.42, đến địa chỉ Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm - số 51 phố Lò Sũ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội vào hồi 14giờ 30 phút ngày 05 tháng 4 năm 2023, để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tuy nhiên, ông N và bà T không chấp hành. Ngày 10/4/2023 Tòa án đã ra Thông báo số 03/TB-TA yêu cầu nguyên đơn P cung cấp địa chỉ nơi bị đơn để tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, nhưng nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ nơi bị đơn để tài thế chấp. Vì vậy, Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn P cam đoan toàn bộ giấy tờ gốc của chiếc xe ô tô trên vẫn đang trong kho lưu giữ của P.

Tại Văn bản phúc đáp số 612/PC02-DD6 ngày 23 tháng 03 năm 2023 của Phòng cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hà Nội cung cấp xe ô tô biển kiểm soát 29H-310.42, số khung RRT27416DK1A00014, số máy D103850190307023217, không có trong cơ sở dữ liệu ô tô vật chứng (theo cơ sở dữ liệu lưu trữ tại Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra - Bộ Công an tính đến ngày 22/03/2023).

Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ và nghĩa vụ của ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T tại Ngân hàng P. Xét hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, đúng chủ thể và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng P đề nghị Tòa án tuyên được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại xử lý tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi khoản nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên nếu ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là giai đoạn thi hành án dân sự, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn - ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 318; Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 280; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt N về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt N đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) đối với bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2. Bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T phải thanh toán trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng Việt N (P) số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay số 881/2019/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2019, tạm tính đến ngày 19/6/2023 là: **1.103.168.162** (Một tỷ, một trăm linh ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng), trong đó:

- + Dư nợ gốc là 783.329.000 đồng.
- + Lãi trong hạn là 180.243.592 đồng.
- + Lãi quá hạn là 139.595.570 đồng.

3. Bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P), theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 881/2019/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2019 và Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019.

4. Trường hợp ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T không trả được khoản nợ gốc, lãi trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

Một xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu: CNHTC, hai chỗ ngồi, màu nâu, số loại ZZ3317N3267, số khung: RRT27416DK1A00014, số máy: D103850190307023217, biển kiểm soát 29H-310.42, Giấy hẹn lấy đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 11 năm 2019 cho ông Vũ Đình N theo đúng Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

5. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P).

6. Về án phí: Bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 45.095.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) số tiền 20.615.000 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp - theo Biên lai số 0052078 ngày 29/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P), vắng mặt bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T.

Tòa án báo nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn ông Vũ Đình N và bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;
- TANDTPHN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa